

Bản án số: 14/2019/DS-PT  
Ngày: 21/02/2019  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Thanh Hùng

*Các Thẩm phán:* Bà Ngô Thị Hà

Ông Hà Huy Hùng

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đỗ Kim Oanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:***  
Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2018/TLPT-DS ngày 04/12/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1960. Có mặt.

Cư trú tại: Thôn PT, xã PD, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P - Sinh năm 1969. Có mặt.

Cư trú tại: Thôn PT, xã PD, huyện C, tỉnh T.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị P. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2016, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà và bà P quen biết nhau, bà đã nhiều lần cho bà P vay tiền. Cụ thể: Ngày 15/12/2012, bà cho bà Nguyễn Thị P vay 9.000.000đ. Ngày 06/7/2013 bà cho bà P vay 30.000.000đ (thỏa thuận lãi tính theo ngân hàng). Ngày 13/3/2014 bà lại tiếp tục cho bà P vay 20.000.000đ. Các lần vay hai bên đều

viết giấy, đến hạn trả bà P không trả, bà đã nhiều lần hỏi nợ bà P cố tình khất hết lần này sang lần khác. Ngày 08/11/2015, bà yêu cầu bà P làm giấy chốt nợ tổng là 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng), bà P bảo bà viết giấy sau đó bà P ký ghi rõ họ tên, cam kết đến tháng hết 12/2015 sẽ trả gốc và lãi theo thỏa thuận. Đến ngày 13/12/2015, gia đình bà đang có việc bận thì bà P đến nhờ bà viết một giấy nợ không, nội dung bà vay của bà P 40.000.000đ, để bà P đưa cho người em họ tin là bà P đang có tiền cho vay để người đó tin tưởng cho bà P vay tiền để trả cho bà. Vì đang bận việc và cả tin nên bà đã viết giấy cho bà P theo như đề nghị, được mấy ngày sau bà P lên nhà bà bảo đưa 03 tờ giấy vay nợ để đi phôtô đưa cho chồng nhưng sau đó không đưa lại, đến hạn bà hỏi nợ thì bà P bảo không có nợ gì hết vì bà H còn nợ bà P 40.000.000đ. Sau đó bà P kiện bà ra Tòa án, bà biết mình đã bị lừa, nhưng bà không có chứng cứ chứng minh là viết giấy không giấy vay tiền, bà có xuất trình giấy nhận nợ 59.000.000đ để đi giám định, nhưng không giám định được vì thiếu mẫu so sánh. Vì vậy, Tòa án huyện xử buộc bà phải trả tiền gốc và lãi là 53.000.000đ do bà P còn chỉnh sửa từ năm 2015 sang năm 2013, bà bị oan nhưng không làm gì được, và từ đó cho đến nay bà vẫn bị khấu trừ tiền lương hưu để trả nợ cho bà P. Bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà P phải trả số nợ gốc theo giấy khất nợ ngày 08/11/2015 là 59.000.000đ và tiền lãi từ tháng 7/2013 đến tháng 12/2015 là 25.665.000đ, lãi từ tháng 01/2016 đến tháng 10/2016 là 8.850.000đ. Tổng cộng là 93.515.000đ.

Ngày 10/7/2018 bà đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất buộc bà P phải trả theo đơn khởi kiện, số tiền lãi từ tháng 7/2013 đến tháng 12/2015 là 25.665.000đ.

\* *Bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:* Ngày 05/01/2017, bà có nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện C về việc bà H khởi kiện bà phải trả số tiền vay 59.000.000đ cộng lãi suất. Bà là công dân bình thường đầy đủ năng lực hành vi, nên bà khẳng định bà H không cho bà vay số tiền 59.000.000đ, giấy nhận nợ là giả mạo chữ ký của bà, vì trên tờ giấy là nhận nợ, ở dưới là người vay.

\* *Quá trình giải quyết vụ án:* Ngày 07/3/2017, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, bà P không chấp nhận chứng cứ do bà H cung cấp, bà cho rằng giấy khất nợ ngày 08/11/2015 do bà H viết và giả mạo chữ ký của bà, bà sẽ cung cấp toàn bộ chứng cứ để Tòa án đi giám định, nhưng sau đó bà P không cung cấp, nhiều lần làm việc có thái độ không tôn trọng pháp luật, như trả lại không nhận giấy tờ, không ký vào biên bản làm việc.

Ngày 06/6/2017, bà H đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định lại tại Viện khoa học Hình sự, Bộ Công an. Ngày 13/6/2017, Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định trưng cầu giám định. Ngày 14/9/2017, Viện Khoa học Hình sự, Bộ Công an có kết luận số 259/C54-P5 kết luận chữ ký “P” và các chữ “nguyễn thị P” dưới mục “Người vay” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị P trên các mẫu ký hiệu M1 đến M7 do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản án dân sự số 04/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Toà án nhân dân huyện C đã quyết định áp dụng: Áp dụng: Điều 357, Điều 463, Điều 466; 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015. Khoản 3 Điều 26; Điều 39, Điều 147; Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 6 Điều 19, Điều, Điều b, khoản, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị P trả cho bà Nguyễn Thị H 59.000.000đ tiền gốc và 10.240.000đ tiền lãi. Tổng cộng là 69.240.000đ (Sáu chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 12/10/2018, bà Nguyễn Thị P kháng cáo, với nội dung:

- Tòa án nhân dân huyện C vi phạm thủ tục tố tụng một cách có hệ thống (Thẩm phán Vũ Văn N-Chủ tọa phiên tòa ký giấy triệu tập không có dấu, có dấu hiệu tiêu cực bao che cho bà Nguyễn Thị H, có lời nói và hành động không đúng chuẩn mực với đương sự). Bà đã đề nghị thay đổi Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa nhưng không được chấp nhận. Tòa án nhân dân huyện C vẫn bắt chấp quy định đưa vụ việc ra xét xử mang tính áp đặt đơn phương.

- Bà không vay tiền của bà Nguyễn Thị H, giấy vay tiền và nhận nợ bà Nguyễn Thị H tự viết, sau đó thu thập chữ ký của bà, dùng công nghệ in ấn hiện đại để ghép chữ ký của bà vào giấy nhận tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà Nguyễn Thị P đề nghị tiếp tục đề nghị đi giám định chữ ký, chữ viết của bà tại giấy nhận nợ ngày 08/11/2015.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo, sửa quyết định của bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật, tính lãi suất và án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân huyện C vi phạm thủ tục tố tụng có hệ thống: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa đã ban hành các văn bản tố tụng: thông báo tiếp tục giải quyết vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...có sự không chính xác về trích yếu tiêu đề vụ án (DSST lại ghi là HNGĐ); vụ án thụ lý ngày 28 nhưng lại ghi thụ lý ngày 29. Những thiếu sót trên của

Thẩm phán là do sơ suất trong khâu đánh máy, và đã được khắc phục bằng việc đính chính. Các sai sót của Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự tuy nhiên Thẩm phán cần rút kinh nghiệm.

[2] Về kháng cáo đề nghị thay đổi Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị P cho rằng Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa có hành động không chuẩn mực, có biểu hiện tiêu cực bao che cho nguyên đơn, nên đề nghị thay đổi. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị P không có chứng cứ chứng minh Thẩm phán không vô tư khách quan trong việc giải quyết vụ án. Do đó Thẩm phán chủ tọa phiên tòa vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án là đúng quy định tại các Điều 52, 53, 55 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị P đề nghị đi giám định lại chữ ký, chữ viết của bà tại giấy khất nợ ngày 08/11/2015, vì bà cho rằng Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an giám định không chính xác. Ngày 14/9/2017, Viện Khoa học hình sự, Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an có kết luận số 259/C54-P5, với nội dung chữ viết và chữ ký tại giấy nhận nợ ngày 08/11/2015 do bà P ký và viết, dựa trên các phương pháp khoa học và phương tiện nghiệp vụ là chính xác. Do đó tại phiên tòa phúc thẩm bà P đề nghị được đi giám định lại là không có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo cho rằng giấy vay tiền bà Nguyễn Thị P không viết: trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị P cho rằng giấy vay tiền và nhận nợ bà Nguyễn Thị H tự viết, sau đó thu thập chữ ký của bà, dùng công nghệ in ấn hiện đại để ghép chữ ký của bà vào giấy nhận tiền. Tại kết luận giám định số 259/C54-P5 ngày 14/9/2017 của Viện Khoa học hình sự, Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an kết luận: chữ ký P và chữ viết Nguyễn Thị P tại giấy nhận nợ ngày 08/11/2015 do chính bà Nguyễn Thị P ký và viết. Do đó, bà Nguyễn Thị P kháng cáo cho rằng bà không ký giấy nhận nợ cũng như không vay tiền bà Nguyễn Thị H là không có căn cứ.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị H tiền gốc là 59.000.000đ. Tuy nhiên, việc tính lãi Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự là không chính xác, trường hợp này phải áp dụng Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 (vì thời điểm giao dịch và khởi kiện Bộ luật Dân sự 2015 chưa có hiệu lực thi hành). Lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng nhà nước là 0,9%/năm. Do đó lãi suất được tính lại là:  $59.000.000đ \times (20 \text{ tháng } 28 \text{ ngày}) \times 0,75\%/\text{tháng} = 9.263.000đ$ . Tổng cả gốc và lãi là 68.263.000đ.

[6] Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.
- Án phí sơ thẩm: Được tính lại theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 471; khoản 4 Điều 474; khoản 1 Điều 478 Bộ luật Dân sự 2005. Điểm b, c khoản 1 Điều 24; điểm b khoản 1.3 mục 1; điểm 2.1 mục 2 phần II danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P. Sửa bản án bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C về phần áp dụng pháp luật, lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 68.263.000đ, trong đó tiền nợ gốc 59.000.000đ, tiền lãi 9.263.000đ.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 3.413.000đ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ tại biên lai thu số AA/2017/3768 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (bà P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thanh Hùng**